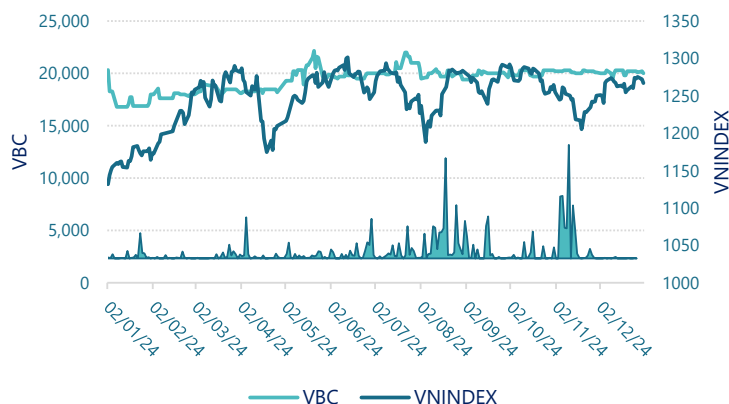


CTCP Nhựa - Bao bì Vinh (HNX: VBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,154
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,800
SL cổ phiếu LH	7,499,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	945
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	150
P/E	5.4
EPS	3,721

DT thuần

Q4/24

232

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0 | 12.1%

YoY: ▼ 1.00 | -0.4%

LN sau thuế

Q4/24

6.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.51 | -7.0%

YoY: ▲ 0.52 | 8.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.9%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

822

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 53.0 | -6.0%

LN sau thuế

2024

27.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.20 | -0.6%

ROE

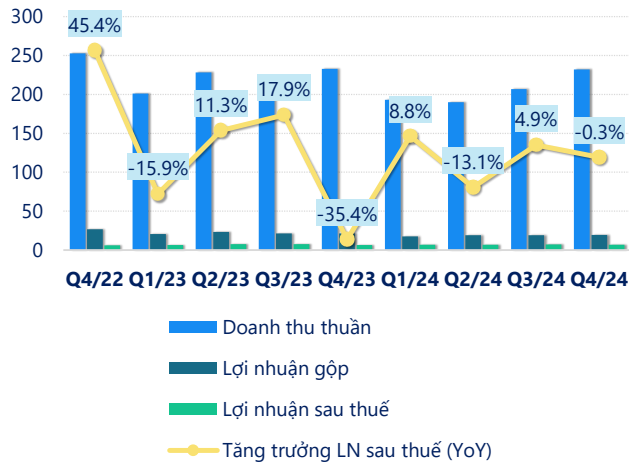
2024

17.2%

+/- YoY: ▼ 1.0%

tỷ VNĐ

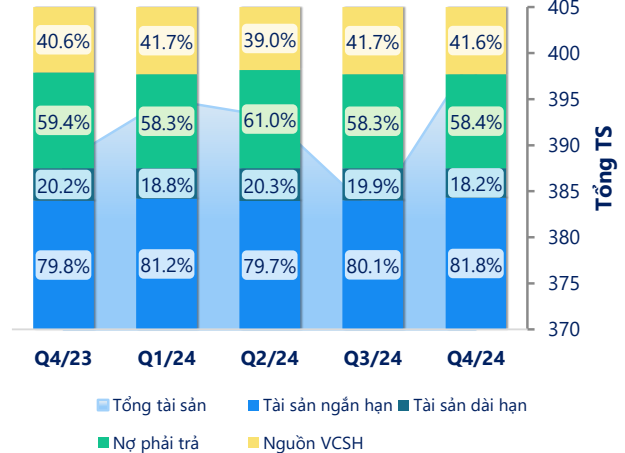
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

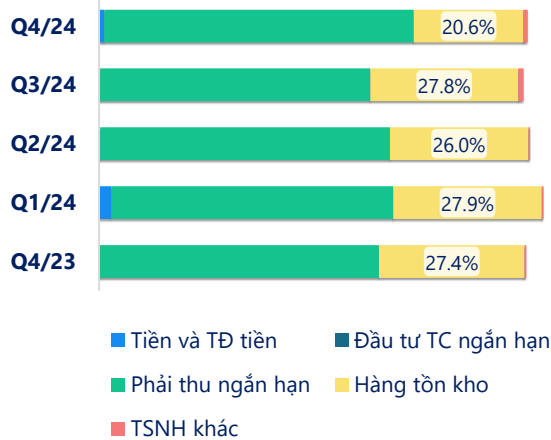
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



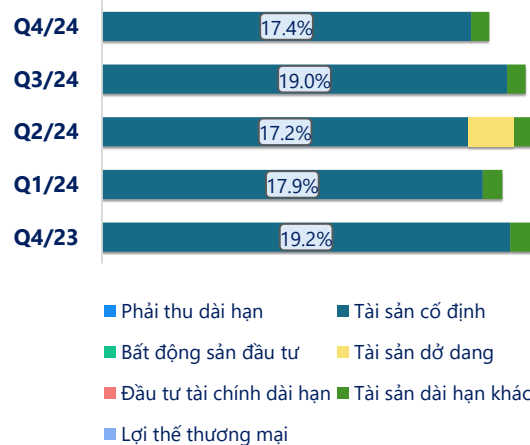
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

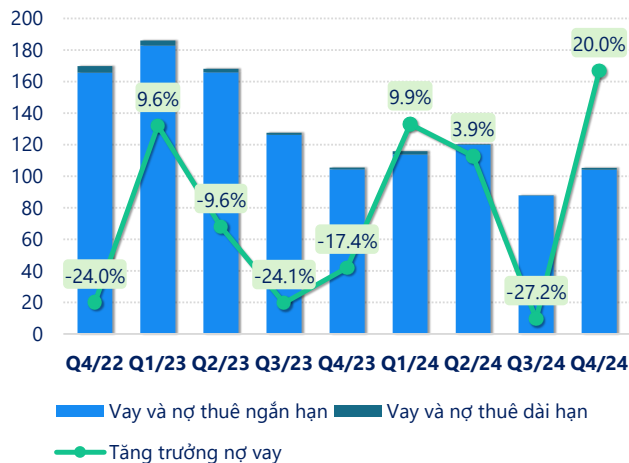
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

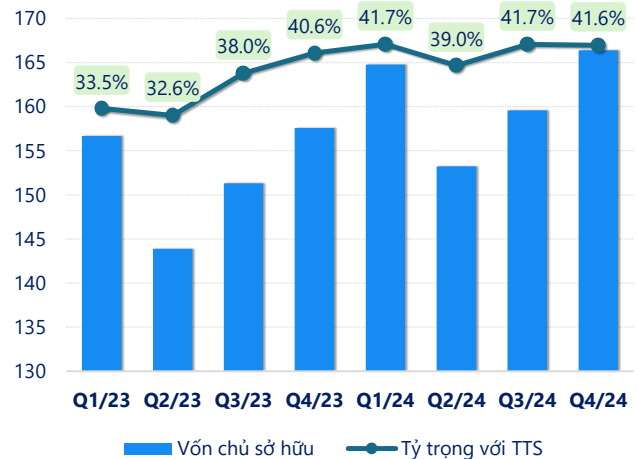
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

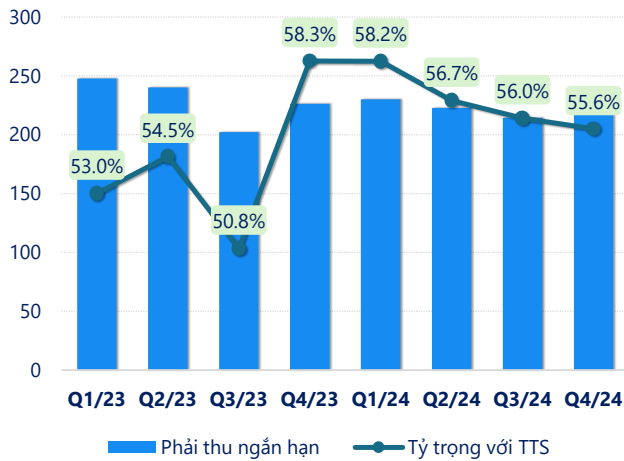
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



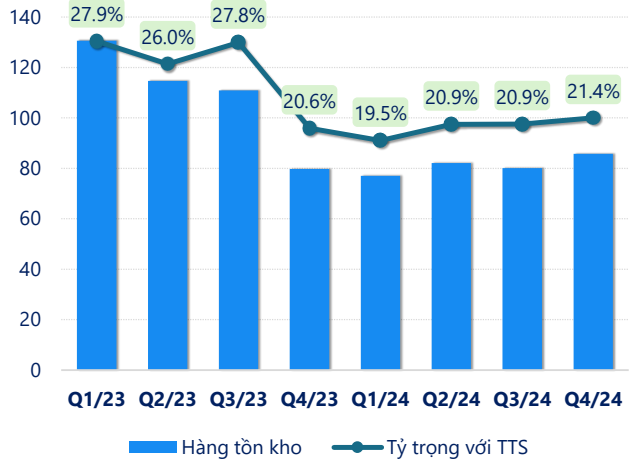
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


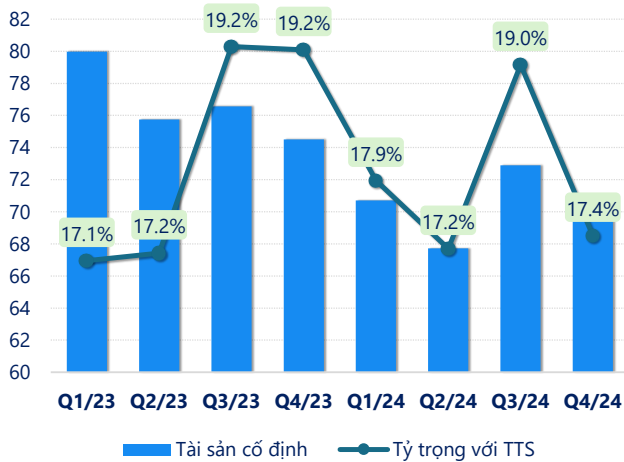
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


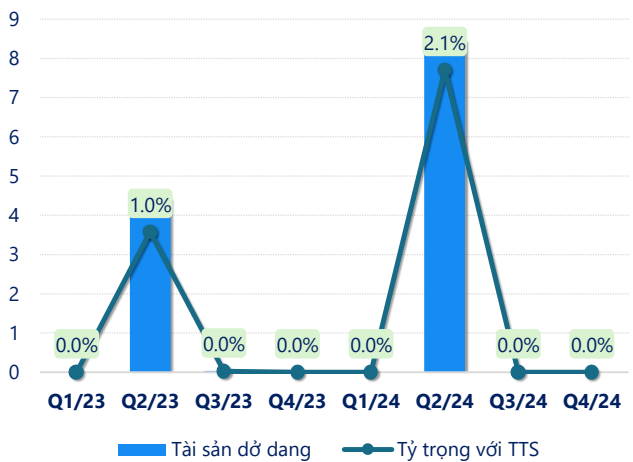
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

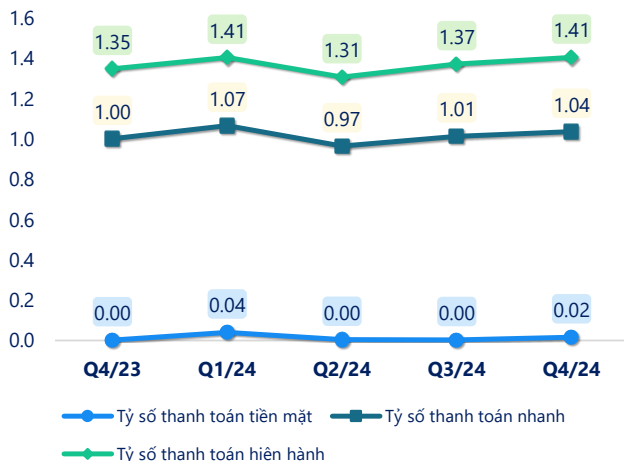
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	388	395	393	383	400
Tài sản ngắn hạn	310	321	313	306	327
Tiền và tương đương tiền	0.49	9.18	1.01	0.65	3.82
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	226	230	223	214	222
Hàng tồn kho	79.8	77.1	82.1	80.0	85.8
Tài sản ngắn hạn khác	3.46	4.35	7.53	11.5	15.3
Tài sản dài hạn	78.3	74.3	79.6	76.2	72.9
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	74.5	70.7	67.7	72.9	69.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	8.42	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.78	3.64	3.50	3.33	3.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	231	230	240	223	234
Nợ ngắn hạn	230	228	240	223	233
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	114	120	87.6	104
Phải trả người bán ngắn hạn	92.6	90.2	79.7	104	93.0
Nợ dài hạn	1.04	2.09	0.35	0.00	1.04
Vay và nợ thuê dài hạn	1.04	2.09	0.35	0.00	1.04
Nguồn vốn chủ sở hữu	158	165	153	160	166
Vốn chủ sở hữu	158	165	153	160	166
Vốn điều lệ	75.0	75.0	75.0	75.0	75.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)